TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bồ Quốc Khánh**;

2. Bà **Vũ Thị Hạnh**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông **Trương Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ X, Ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Kiều Công H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ N, Ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T (Viết tắt là bà T) và ông Kiều Công H (Viết tắt là ông H) tự nguyện sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là

huyện B) cấp ngày 17/12/2007. Sau khi kết hôn, ông H, bà T về sống chung cùng nhà với mẹ ruột bà T tại Tổ X, Ấp Y, xã L, ông H hành nghề đánh bắt cá trên sông còn bà T buôn bán tạp hóa tại nhà. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được gần 10 năm và sinh được 01 con chung là cháu Kiều Nhân N, sinh ngày 14/02/2012. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ, con. Sau mỗi chuyến chày lưới trên sông về, ông H không về nhà nhưng lại tụ tập cùng nhóm bạn làm nghề chung nhậu nhẹt đến say xỉn, mất kiểm soát bản thân. Bà T khuyên nhủ ông H nhiều lần nên hạn chế nhậu nhẹt, hạn chế thời gian tiếp xúc bạn bè để có trách nhiệm với gia đình, chăm sóc, giáo dục con nhưng ông H không nghe lại có thái độ cáu gắt, gây gỗ nên dẫn đến xung đột vợ chồng. Ông H cho rằng mình có cách sống, cách nghĩ, cách làm riêng của bản thân ông mà không ai được can thiệp vào đời sống riêng tư của ông H, kể cả vợ con. Từ giữa năm 2017 đến nay, ông H đã tự ý bỏ nhà ra đi về nhà mẹ đẻ tại Tổ N, Ấp Y, xã L, huyện B sống ly thân với bà T. Thỉnh thoảng, ông H chỉ về thăm con vài giờ xong lại về nhà mẹ đẻ ở,không quan tâm đến bà T, bỏ mặc vợ con muốn sống ra sao thì sống. Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn để đoàn tụ nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kiều Nhân N, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể trực tiếp tống đạt các văn bản tố tụng (*Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm)*, do bị đơn là ông Kiều Công H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tại văn bản ngày 11/03/2019, Công an xã L xác nhận: Ông Kiều Công H hiện nay vẫn đang làm ăn sinh sống tại nhà mẹ ruột thuộc Tổ N, Ấp Y, xã L, huyện B. Căn cứ khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn Kiều Công H nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, trụ sở Ủy ban nhân dân xã L. Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông H không có văn bản chấp nhận hay phản đối hoặc có yêu cầu phản tố đối với việc khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị T, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thông báo lý do vắng mặt.

Tại Tòa án ngày 08/3/2019, cháu Kiều Nhân N trình bày nguyện vọng mong muốn được mẹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu cha và mẹ ly hôn nhau.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân tại nơi vợ chồng bà T, ông H thường xuyên sinh sống được chính quyền địa phương, ban ngành khu, ấp xác định không rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông H. Ban Điều hành Ấp Y, xã L, Hội liên hiệp phụ nữ xã L chỉ xác định cách đây 01 năm không rõ nguyên nhân gì, ông H không còn ở chung nhà với bà T tại nhà

riêng ở Tổ X, Ấp Y và dọn về ở hẳn tại nhà mẹ ruột tại Tổ N, Ấp Y, không qua lại với bà T cho đến nay.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn Kiều Công H đã được Tòa án tống đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã L và trụ sở Tòa án nhưng cố tình vắng mặt không nêu rõ lý do. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn kiều Công H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T về việc ly hôn, người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Kiều Công H hiện đang làm ăn, sinh sống trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Kiều Công H thường xuyên đi khỏi nơi cư trú nên cán bộ Tòa án không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn với sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã L và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng (các thông báo thụ lý, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm) tại nơi cư trú của bị đơn (nhà mẹ ruột ông H), trụ sở Ủy ban nhân dân xã L và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên nhưng bị đơn là ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng theo Thông báo của Tòa án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn. Bị đơn Kiều Công H cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung và đánh giá chứng cứ:

Bà Lê Thị T và ông Kiều Công H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, cả hai bên không có tiếng nói chung nên đã nhiều lần vợ chồng bất hòa dẫn đến cải vã, xung đột. Ông H tự quyết định sống ly thân, không qua lại với bà T từ tháng 07/2017 cho đến nay, mặc dù khoảng cách giữa nhà bà T và nhà mẹ ông H chưa đến 01 km nhưng ông H cũng không trở về sống chung hòa thuận với bà T như trước kia mà ở lại hẳn nhà mẹ ruột. Vợ chồng mạnh ai nấy làm, nấy sống, không ai quan tâm đến ai, người nào muốn sống ra sao thì sống. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản phản đối hay phản tố đối với việc xn ly hôn, nuôi con của bà T, thấy rằng ông thảo không mong muốn hòa giải để đoàn tụ, không muốn trở về tiếp tục sống chung với bà T. Xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cả hai đều không ai mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T về việc ly hôn ông Kiều Công H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Kiều Nhân N là con chung của bà T, ông H đã trên 07 tuổi, cháu N hiện đang được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu N cũng trình bày nguyện vọng được mẹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha mẹ phải ly hôn nhau. Để tránh gây xáo trộn về tâm lý của cháu N đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng và để đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên, đồng thời căn cứ vào nguyện vọng của cháu N, nghĩ nên tiếp tục giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 24 điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Kiều Công H.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn ông Kiều Công H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/12/2007 cho ông Kiều Công H và bà Lê Thị T không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Kiều Nhân N, sinh ngày 14/02/2007. Ông Kiều Công H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông Kiều Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung là cháu Kiều Nhân N mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ hết vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà T đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030451 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh